TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2024
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 481/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hoàn C, sinh năm 1998.
Địa chỉ: Số A, khu phố C, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn L, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số A, tổ E, ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chị C có đơn xin vắng mặt, anh L vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 16/8/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị C trình bày:

Chị với anh L chung sống vợ chồng năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 18/11/2016.

Trong cuộc sống vợ chồng, giữa chị với anh L chung sống hạnh phúc từ năm 2016 đến năm 2019, kể từ đầu năm 2023, chị với anh L không còn chung sống với nhau nữa và đã ly thân từ đó cho đến nay, nguyên nhân vợ chồng

thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Nay chị nhận thấy tính tình của anh L không còn phù hợp với chị, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài, nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Lê Phúc N, sinh ngày 18/7/2016 và Lê Phúc H, sinh ngày 24/7/2020, hiện do chị nuôi dưỡng. Ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu N và H, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi hai cháu N và H.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị C có đơn xin vắng mặt. Anh L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị C và anh L theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị C, anh L chung sống vợ chồng năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 18/11/2016, nên quan hệ hôn nhân giữa chị C với anh L là hợp pháp. Chị C xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn như trên, làm cho tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng ngay càng trầm trọng, vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài, nên chị C yêu cầu xin ly hôn với anh L. Nhưng anh L cũng không có ý kiến gì để phản đối yêu cầu xin ly hôn của chị C, nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị C có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị C và anh L có hai người con chung tên Lê Phúc N, sinh ngày 18/7/2016 và Lê Phúc H, sinh ngày 24/7/2020.

Xét yêu cầu nuôi con của chị C thấy rằng: Hai cháu N và H hiện do chị C nuôi dưỡng đã ổn định. Mặt khác, cháu N có nguyện vọng sống với chị C khi cha

mẹ ly hôn. Hơn nữa, anh L cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu nuôi dưỡng hai cháu N và H của chị C. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của hai cháu N và H, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao hai cháu N và H cho chị C nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Xét, chị C không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi hai cháu N và H nên Hội đồng xét xử không giải quyết, nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị C xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh L không có ý kiến trình bày, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Hoàn C ly hôn với anh Lê Văn L.

2. Về con chung: Giao hai cháu Lê Phúc N, sinh ngày 18/7/2016 và Lê Phúc H, sinh ngày 24/7/2020 cho chị Trần Thị Hoàn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Trần Thị Hoàn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị C đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0018050 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị C đã thi hành xong án phí.

4. Chị C, anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Vĩnh Đức